

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2023/TLST-KDTM ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ngân hàng A (viết tắt là A).**

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Anh T - Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng A - Chi nhánh G. (Theo văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ Viết D - Chức vụ: Phó Giám đốc -

Chi nhánh G. (Theo Giấy ủy quyền số 406^A/NHN₀.GL-KHDN ngày 24/5/2023 của Giám đốc A - Chi nhánh G).

*** Bị đơn: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ nội thất D (tên gọi tắt là Công ty D).**

Địa chỉ: Đường L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình H - Chức vụ: Giám đốc.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1955
2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1957
3. Anh Đỗ Quang D, sinh năm 1985
4. Chị Nguyễn Thị Kiều T2, sinh năm 1991
5. Cháu Đỗ Tuấn K, sinh năm 2015
6. Cháu Đỗ Ngọc Anh T3, sinh năm 2020

Nơi cư trú: Đường L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. (Cháu K, cháu T3 do anh D và chị T2 làm đại diện).

(Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, anh D, chị T2 là bà Trần Thị P, sinh năm 1957 - Theo Giấy ủy quyền 1264, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/7/2023 tại Văn phòng công chứng Đ).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện Ngân hàng A và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ nội thất D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất, thỏa thuận như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 3120LAV201900573 ngày 03/4/2019 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) theo đó Ngân hàng A cấp cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ nội thất D số tiền vay 294.000.000 đồng với mục đích cho vay là: thanh toán tiền mua 01 xe ô tô tải thùng lửng tải trọng 2.49 tấn, nhãn hiệu KIA, số loại THACOFONTIER K250-TL mới 100% theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 1902030 DT ngày 25/02/2019.

2. Hợp đồng tín dụng số 3120LAV202000651 ngày 20/5/2020 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) theo đó Ngân hàng A cấp cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ nội thất D số tiền vay 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng) với mục đích cho vay là: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh

doanh giai đoạn năm 2020-2021(kinh doanh thép không gỉ: cuộn inox các loại nhập khẩu và nội địa).

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ nội thất D nhận vốn vay từng lần tại giấy nhận nợ, giấy nhận nợ chưa tất toán theo Hợp đồng tín dụng số 3120LAV202000651 ngày 20/5/2020, cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ số 3120LDS201901151 ngày 04/04/2019, số tiền giải ngân 294.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 04/04/2022, dư nợ gốc: 10.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS201904497 ngày 28/11/2019, số tiền giải ngân 2.503.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 27/11/2020, dư nợ gốc: 1.582.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS201904555 ngày 02/12/2019, số tiền giải ngân 3.500.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 02/12/2020, dư nợ gốc: 3.501.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS201904625 ngày 06/12/2019, số tiền giải ngân 2.442.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 07/12/2020, dư nợ gốc: 2.442.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202000253 ngày 20/01/2020, số tiền giải ngân 2.300.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 20/01/2021, dư nợ gốc: 2.300.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202002367 ngày 03/08/2020, số tiền giải ngân 2.200.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 03/02/2021, dư nợ gốc: 2.200.000.000đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202002510 ngày 13/08/2020, số tiền giải ngân 1.190.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 17/02/2021, dư nợ gốc: 1.190.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202002568 ngày 18/08/2020, số tiền giải ngân 1.132.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 18/02/2021, dư nợ gốc: 1.132.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202002684 ngày 27/08/2020, số tiền giải ngân 280.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 01/03/2021, dư nợ gốc: 280.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202002879 ngày 14/09/2020, số tiền giải ngân 2.400.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 15/03/2021, dư nợ gốc: 2.400.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003391 ngày 19/10/2020, số tiền giải ngân 362.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 19/04/2021, dư nợ gốc: 362.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003730 ngày 12/11/2020, số tiền giải ngân 780.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 12/05/2021, dư nợ gốc: 780.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202001747 ngày 13/11/2020, số tiền giải ngân 279.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 13/05/2021, dư nợ gốc 279.000.000đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202001774 ngày 16/11/2020, số tiền giải ngân 815.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 17/05/2021, dư nợ gốc: 815.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003801 ngày 17/11/2020, số tiền giải ngân 763.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 17/05/2021, dư nợ gốc: 763.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003813 ngày 18/11/2020, số tiền giải ngân 760.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 18/05/2021, dư nợ gốc: 760.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003824 ngày 19/11/2020, số tiền giải ngân 740.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 19/05/2021, dư nợ gốc: 740.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003830 ngày 19/11/2020, số tiền giải ngân 1.620.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 19/05/2021, dư nợ gốc: 1.620.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003847 ngày 20/11/2020, số tiền giải ngân 1.460.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 19/05/2021, dư nợ gốc: 1.460.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003853 ngày 20/11/2020, số tiền giải ngân 1.445.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 20/05/2021, dư nợ gốc: 1.445.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003875 ngày 23/11/2020, số tiền giải ngân 1.400.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 24/05/2021, dư nợ gốc: 1.400.000.000 đồng.

- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003912 ngày 25/11/2020, số tiền giải ngân 440.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 25/05/2021, dư nợ gốc: 440.000.000 đồng.
- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003938 ngày 26/11/2020, số tiền giải ngân 430.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 26/05/2021, dư nợ gốc: 430.000.000 đồng.
- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003946 ngày 27/11/2020, số tiền giải ngân 440.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 27/05/2021, dư nợ gốc: 440.000.000 đồng.
- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003973 ngày 30/11/2020, số tiền giải ngân 2.690.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 31/05/2021, dư nợ gốc: 2.690.000.000 đồng.
- Giấy nhận nợ số 3120LDS202003993 ngày 01/12/2020, số tiền giải ngân 500.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 01/06/2021, dư nợ gốc: 500.000.000 đồng.
- Giấy nhận nợ số 3120LDS202004014 ngày 02/12/2020, số tiền giải ngân 395.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 02/06/2021, dư nợ gốc: 395.000.000 đồng.
- Giấy nhận nợ số 3120LDS202004318 ngày 21/12/2020, số tiền giải ngân 450.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 21/06/2021, dư nợ gốc: 450.000.000 đồng.
- Giấy nhận nợ số 3120LDS202004463 ngày 30/12/2020, số tiền giải ngân 370.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 30/06/2021, dư nợ gốc 370.000.000 đồng.
- Giấy nhận nợ số 3120LDS202100131 ngày 12/01/2021, số tiền giải ngân 550.000.000đồng, thời hạn trả gốc ngày 13.07/2021, dư nợ gốc: 550.000.000đồng.

Hai bên xác nhận việc ký hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

3. Tính đến hết ngày 21/7/2023, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ nội thất D còn nợ Ngân hàng A là 46.149.291.720 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, một trăm bốn chín triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm hai mươi đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 33.726.257.711 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 8.281.612.993 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 4.141.421.016 đồng.
- Tổng cộng: 46.149.291.720 đồng.

4. Đại diện Ngân hàng A và đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ nội thất D và những người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan thỏa thuận về thời hạn, phương thức trả nợ như sau:

4.1. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ nội thất D:

Chậm nhất 31/7/2024, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ nội thất D thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ gốc, số nợ lãi tính đến thời điểm thanh toán xong khoản nợ.

Nếu trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ nội thất D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103092748 hồ sơ gốc số 630/QĐ-UB do UBND quận T cấp ngày 05/5/2003; đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 4237/2018/HĐTC, Quyền số 14 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 1625/2020/VBSDBS, Quyền số 17 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/05/2020 ký giữa A chi nhánh G và ông Đỗ Văn T1 và vợ là Bà Trần Thị P.

4.2. Bà Trần Thị P là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người diện theo ủy quyền của ông T, anh D, chị T2 thống nhất phương án thanh toán cho Ngân hàng A trước ngày 31/7/2024. Cụ thể như sau:

+ Trước ngày 30/11/2023 - Chủ tài sản (người thế chấp) thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng chẵn);

+ Ngày 01/2/2024 - Chủ tài sản (người thế chấp) thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng chẵn);

+ Trước ngày 31/5/2024 - Chủ tài sản (người thế chấp) thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng chẵn).

+ Trước ngày 31/7/2024 - Chủ tài sản (người thế chấp) thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 2.800.000.000 (Hai tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn) và toàn bộ số tiền lãi của tổng số tiền 10.800.000.000 đồng. (Giá trị tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ nội thất D).

Trong trường hợp chủ tài sản không trả được khoản nợ nêu trên theo đúng các kỳ hạn đã cam kết thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và tổ chức phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, cụ thể như sau: Tài sản thế chấp mang tên ông Đỗ Văn T1 và vợ là bà Trần Thị P theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103092748 hồ sơ gốc số 630/QĐ-UB do UBND quận T, thành phố Hà Nội cấp ngày 05/5/2003; đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 4237/2018/HĐTC, Quyền số 14 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 1625/2020/VBSĐBS, Quyền số 17 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2020 ký giữa A chi nhánh G và ông Đỗ Văn T1 và vợ là bà Trần Thị P.

5. Trong trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ nội thất D để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ nội thất D phải chịu 77.075.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng A 75.774.000 đồng (Bảy mươi năm triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng chẵn) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo số Biên lai thu số AA/2020/0074418 ngày 16/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

8. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Cồ Khắc Đàm